

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HS-ST

Ngày: 13 - 02 - 2023

**NH DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Lý Bằng

Ông Vũ Văn Doãn

-Thư ký phiên tòa : Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

-Đại diện VKSND huyện H, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Ngô Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 13/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2023/HSST ngày 03 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Thái H** - sinh năm: 1994; tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Số 89C, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Nơi tạm trú: F13/3/1A, Tổ 7, Ấp 6A, xã V A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phan Văn Kh - Đã chết, con bà: Nguyễn Thị M; chưa có vợ và con; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

-Bị hại: Công ty TNHH Dịch vụ Viễn thông Q,

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị D - sinh năm 1970,

Trú tại: Khu Tr, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (có đơn vắng mặt)

-Người làm chứng:

1. Anh Phan Thái Nh, sinh năm 1994, (anh trai bị cáo vắng)

Trú tại: Số 89C, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Chỗ ở hiện tại F13/3/1A, Tổ 7, Ấp 6A, xã V A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ông Trương Đình Q, sinh năm 1969 (vắng)

Trú tại: Khu Tr, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1970, cư trú ở khu Tr, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa là Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Viễn thông Q, địa chỉ ở thị trấn H, huyện H. Tại thời điểm tháng 10/2019, Công ty TNHH Dịch vụ Viễn thông Q được Chi nhánh Viettel Thanh Hóa - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội Viettel ủy quyền cung cấp dịch vụ viễn thông theo Hợp đồng ủy quyền cung cấp dịch vụ viễn thông số 005/20019/VIETTEL-THA-UQCCDVVT ngày 30/8/2019 (Gọi là điểm bán Quy D). Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bà D thực hiện các giao dịch chuyển tiền, nhận tiền qua ứng dụng ViettelPay Pro, thông qua số tài khoản 051518688666 của Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel (TCT VDS) mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) - là tài khoản nghiệp vụ dùng cho các giao dịch chuyển tiền (*Dịch vụ kinh doanh của TCT VDS*).

Do Cửa hàng điện thoại của Công ty TNHH Dịch vụ Viễn thông Quy D có bán các sản phẩm điện thoại do Công ty Cổ phần và Khoa học V, địa chỉ ở Số 27 Nguyễn Trung Tr, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, phân phối nên khi có đơn hàng thì bà D chuyển tiền trước cho Công ty Cổ phần và Khoa học V thông qua số tài khoản 051518688666 đến số tài khoản 0721000568876 của Công ty Cổ phần và Khoa học V mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Việt Nam (Vietcombank), sau đó mới nhận hàng.

Vào hồi 15 giờ 25 phút ngày 28/10/2019, bà D thực hiện giao dịch chuyển số tiền 43.940.000 đồng thông qua số tài khoản 051518688666 đến số tài khoản 0721000568876 của Công ty Cổ phần và Khoa học V. Nhưng do chủ quan, không kiểm tra kỹ các thông tin trước khi chuyển tiền nên bà D đã chuyển nhầm số tiền 43.940.000 đồng đến số tài khoản 0721000578876 của chủ tài khoản Phan Thái H sinh năm 1994, thường trú ở Số 89C, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện tại F13/3/1A, Tổ 7, Ấp 6A, xã V A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Việt Nam. (*Do nhập nhầm số 6 thành số 7 tại vị trí thứ chín tính từ trái sang trong dãy số tài khoản 0721000568876 của Công ty Cổ phần và Khoa học V*).

Sau khi thực hiện xong giao dịch, bà D phát hiện ra việc chuyển nhầm tiền nên đã đến Điểm Viettel H nhờ giúp đỡ. Được nhân viên Viettel H hướng dẫn, bà D đã sử dụng tài khoản cá nhân để chuyển thêm 02 lần tiền - mỗi lần chuyển số tiền 10.000 đồng đến số tài khoản của Phan Thái H, kèm theo các nội dung chuyển tiền là: “*Toi ban nham tien goi lai de thoa thuan do nho toi phap luat 0983831354*”

và “*Em chuyên nham tiền gọi lại 0976134189*”. Ngày 29/10/2019, bà D đã liên hệ với Chi nhánh Viettel Thanh Hóa, nhờ hỗ trợ về việc chuyển nham tiền. Cùng ngày 29/10/2019, Chi nhánh Viettel Thanh Hóa đã gửi công văn đến Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel (TCT VDS) yêu cầu hỗ trợ thu hồi tiền giao dịch nạp tiền liên quan tới Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Việt nam (Vietcombank); Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel (TCT VDS) đã phối hợp với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) nhưng không thu hồi được, do không liên hệ được với khách hàng nhận.

Sau khi nhận được thông báo về việc tài khoản của mình nhận được số tiền là 43.940.000 đồng qua tin nhắn SMS đến số điện thoại cá Nh; đồng thời được nhân viên Ngân hàng Vietcombank thông báo về việc số tài khoản 0721000578876 nhận được số tiền 43.940.000 đồng là tiền do người khác chuyển nham và hướng dẫn cách thực hiện chuyển trả lại tiền. Phan Thái H biết rõ số tiền mình nhận được là do người khác chuyển nham, nhưng do nợ nần và cần tiền để chi tiêu cá nhân nên H cố tình chiếm giữ số tiền, không chuyển trả lại cho bà D và không báo cáo hoặc giao nộp cho cơ quan có trách nhiệm.

Đến ngày 17/01/2020, do nhiều người hỏi nợ, H nghĩ đến việc rút số tiền 43.940.000 đồng trong tài khoản để trả nợ và chi tiêu cá Nh nên nhờ anh trai (sinh đôi) là Phan Thái Nh sinh năm 1994, thường trú ở Số 89C, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện tại F13/3/1A, Tổ 7, Ấp 6A, xã V A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (*cùng khu nhà trọ với H*) điều khiển xe mô tô chở H đến cây ATM của Ngân hàng Vietcombank đặt trong Khu Công nghiệp V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh rút hết số tiền 43.940.000 đồng trong tài khoản. Sau khi rút tiền xong, trên đường đi về H nói cho anh Nh biết về nguồn gốc số tiền 43.940.000 đồng trên là do có người khác chuyển nham mà có. Anh Nh đã khuyên can H nên trả lại tiền cho người chuyển nham, không lại vi phạm pháp luật nhưng H không nghe mà vẫn dùng số tiền đó để trả nợ và chi tiêu cá nhân.

Sau khi biết Phan Thái H sử dụng số điện thoại 0398359232. Bà D đã nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin cho H thông báo về việc mình đã chuyển nham tiền đến số tài khoản 0721000578876 của H và đề nghị H chuyển trả lại tiền. H trả lời là đã tiêu hết số tiền và đề nghị bà D cho H trả dần số tiền nhưng bà D không đồng ý và yêu cầu H phải trả đủ số tiền 43.940.000 đồng. Sau đó, nhiều lần bà D liên lạc với H, nhưng không liên lạc được; hiện tại H chưa trả cho bà D được khoản tiền nào.

Ngày 19/8/2022, bà Nguyễn Thị D gửi đơn báo cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H và đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 06/CT – VKS HL ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, truy tố bị cáo Phan Thái H, về tội “ Chiếm giữ trái phép tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 176 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, giữ nguyên quyết định truy tố đối với Phan Thái H.

Về tội danh Viện kiểm sát đề nghị. Tuyên bố: Bị cáo Phan Thái H, phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”

Về căn cứ áp dụng hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 176; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự

Đề nghị tuyên phạt bị cáo Phan Thái H, mức án từ 05 đến 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao Phan Thái H cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung khác đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn xét xử, bị cáo đã điện thoại xin lỗi và tự nguyện bồi thường lại số tiền 16.500.000 đồng cho bị hại. Người bị hại có đơn đề nghị vắng mặt, không yêu cầu bồi thường số tiền còn lại và xin giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phan Thái H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện và hoàn cảnh phạm tội, để tạo điều kiện cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi quyết định tố tụng của điều tra viên, Kiểm sát viên, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng.

[2]. Về chứng cứ buộc tội: Vào hồi 15 giờ 25 phút ngày 28/10/2019, bà Nguyễn Thị D, Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Viễn thông Quy D, đã chuyển nhằm số tiền 43.940.000 đồng đến số tài khoản 0721000578876 của Phan Thái H và hai lần chuyển tiếp theo mỗi lần 10.000 đồng kèm theo tin nhắn và số điện thoại của bà D để H chuyển lại số tiền đã nhận. Mặc dù biết rõ số tiền là do bà Nguyễn Thị D chuyển nhằm vào tài khoản của mình mà có, nhưng khi bà D đã liên lạc yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền đã chuyển nhằm nhiều lần trong thời gian dài. Tuy nhiên bị cáo H vẫn cố tình không trả lại số tiền cho bà D, không tự giác báo cáo hoặc giao nộp cho cơ quan có trách nhiệm, mà đã rút 09 lần tiền trong ngày để trả nợ và chi tiêu cá

nhân hết. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập theo trình tự luật định. Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “ Chiếm giữ trái phép tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 176 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3]. Xét tính chất vụ án: Bị cáo biết rõ số tiền 43.940.000đ là tiền do bị hại chuyển nhầm, người bị hại yêu cầu chuyển trả lại nhưng vẫn cố tình rút tiền nhiều lần để trả nợ riêng và chi tiêu cá nhân, không trả lại số tiền cho bị hại nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội do mình gây ra. Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội. Do đó, cần phải được xử lý để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ TNHS; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, trong giai đoạn xét xử bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần số tiền chiếm đoạt, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ phần hình phạt cho bị cáo.

[6]. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ TNHS và nhân thân của bị cáo thấy. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng TNHS, nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội, nên không cần thiết phải cách ly đối với bị cáo mà chỉ cần cho hưởng án treo theo khoản 1, 2 Điều 65 của BLHS 2015 cũng đảm bảo trong công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 16.500.000 đồng, số tiền còn lại người bị hại không yêu cầu, nhận thấy việc không yêu cầu của bị hại là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật, nên cần ghi nhận sự tự nguyện của người bị hại đối với bị cáo. Bị cáo không phải bồi thường số tiền còn lại cho người bị hại.

[8]. Về xử lý vật chứng: Không xem xét xử lý.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, Điều 176; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 50 và khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thái H phạm tội “ Chiếm giữ trái phép tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thái H 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai tháng) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Thái H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước đó và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường lại số tiền 16.500.000đồng cho bị hại, số tiền còn lại người bị hại không yêu cầu bồi thường Cần ghi nhận sự tự nguyện của người bị hại đối với bị cáo về số tiền trên. Bị cáo không phải bồi thường số tiền còn lại cho bị hại.

Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số: 326/ 2016 /UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 61, 62 Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND huyện H;
- Bị hại;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện H;
- Thi hành án DS huyện H;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi